TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-9-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thiện.

Ông Nguyễn Nhật Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 863/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1985; nơi thường trú: số 3/48, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1988; nơi thường trú: số 3/48, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Minh T tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 38/2014, quyển số 01/2014 ngày 25 tháng 4 năm 2014.

Sau khi kết hôn, bà P và ông T sinh sống tại nhà ba mẹ ruột của ông T thuộc phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu bà P và ông T chung

sống rất hạnh phúc cho đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông T sử dụng ma túy và thường xuyên đánh đập bà P. Bà P và ông T sống ly thân và không còn sống chung một nhà từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay, tuy nhiên trong thời gian sống ly thân cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông T vẫn không thay đổi. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà P và ông T có hai con chung tên Nguyễn Hoàng Huy P, sinh ngày 17 tháng 5 năm 2011 và Nguyễn Hoàng Huy K, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2015. Bà P yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tống đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn do bị đơn thường xuyên vắng nhà. Theo kết quả xác minh tại Công an phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương: Ông T có đăng ký thường trú tại số 3/48, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T theo hình thức niêm yết công khai tại nơi thường trú của ông T, Ủy ban nhân dân phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương và trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương nhưng ông T không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà P và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Bà P có đơn xét xử vắng mặt vào ngày mở phiên tòa lần thứ hai tuy nhiên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: bà Phúc được ly hôn với ông T; về con chung: giao hai con chung tên Nguyễn Hoàng Huy P, sinh ngày 17 tháng 5 năm 2011 và Nguyễn Hoàng Huy K, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2015 cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[2] Về tố tụng:

Bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông T; ông T có nơi thường trú tại phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng vẫn vắng mặt, cố tình không đến Tòa án làm việc là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, sau đó nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xét xử vắng mặt bà P và ông T theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 4 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn giữa bà P và ông T chính quyền địa phương cho biết cuộc sống hôn nhân giữa bà P và ông T không hạnh phúc, ông T thường xuyên đánh đập bà P và bà P đã nhiều lần báo với chính quyền địa phương về sự việc này. Ngoài ra, bà P và ông T đã ly thân và không còn sống chung một nhà từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay, như vậy vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm lẫn nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó, bỏ mặc nhau.

Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa bà P và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà P yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà P và ông T có hai con chung tên Nguyễn Hoàng Huy P, sinh ngày 17 tháng 5 năm 2011 và Nguyễn Hoàng Huy K, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà P vẫn giữ yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu P và cháu K còn nhỏ nên cần được sự quan tâm,

chăm sóc và giáo dục từ mẹ, cháu P có nguyện vọng sống chung với mẹ. Ngoài ra, bà P có công việc và thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo và công dân có ích cho xã hội nên giao cháu P và cháu K cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà P về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Huy P, sinh ngày 17 tháng 5 năm 2011 và Nguyễn Hoàng Huy K, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2015cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị P về việc không yêu cầu ông Nguyễn Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0035536 ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà